

Phẩm 7: ĐỊNH (Phần đầu)

Như vậy đã biết về các trí, nay sẽ nói về nghĩa nương dựa của trí,

*Trí nương vào tam-muội
Vận chuyển không trở ngại
Thế nên tư duy định
Để tìm tướng chân thật.*

Trí nương vào tam-muội, vận chuyển không trở ngại, nghĩa là như ngọn đèn nương vào tim và dầu sạch, tránh chỗ có gió, dao động, thì ánh lửa đèn sẽ yên và rất trong sáng. Tam-muội nương vào trí cũng vậy, phải tránh các thứ gió thì chuyển không chướng ngại, tâm người đó bất động, là nghĩa như vậy. Chuyển hành đến với duyên, không có sự ngờ vực, mê lầm.

Thế nên, tư duy định là để tìm tướng chân thật, nghĩa là nếu không có định, thì không thể phát sinh trí chân thật. Không có việc lìa trí chân thật mà có thể hưởng đến Niết-bàn. Cho nên, người mong tìm tướng chân thật thì phải biết tam-muội. Tam-muội là gì? Đó là khéo nhất tâm, là nghĩa căn tối thắng. Như vậy, một căn chuyển thì tâm thiện của mình nối tiếp, gọi là nhất tâm. Tối thắng: Hoặc là gọi tên cảnh giới. Như vậy, một duyên chuyển thì tâm thiện nối tiếp, gọi là nhất tâm.

Hỏi: Tam-muội là gì? Làm sao biết được?

Đáp:

*Quyết định nói bốn thiền
Và với định Vô Sắc
Trong đó nói từng thứ
Có vị, tịnh, vô lậu.*

Quyết định nói bốn thiền và định Vô Sắc: Nghĩa là nói lược có tám thứ tam-muội gồm nhiếp tất cả tam-muội.

Trong đó nói từng thứ, có vị, tịnh, vô lậu: Nghĩa là trong đó, mỗi tam muội đều có ba thứ: vị tương ứng, tịnh, vô lậu.

*Hữu lậu thiện gọi tịnh
Không nóng là vô lậu
Có vị tương ứng ái
Hữu danh chẳng vô lậu.*

Hữu lậu thiện gọi là tịnh: Nghĩa là trong điều thiện đó, nếu là thiện hữu lậu, phải biết gọi là tịnh.

Không nóng bức, gọi là vô lậu, tức là: Nếu người đã lìa bỏ phiền não, phải biết là vô lậu.

Hỏi: Nếu vô lậu là thiện thanh tịnh bậc nhất, thì vì sao phiền não thế gian tiếp nối nhau nói là tịnh, không gọi vô lậu là tịnh?

Đáp: Vô lậu, không đợi phải nói, tự biết là tịnh. Pháp thanh tịnh của thế gian nếu không phô bày thì mọi người không biết. Vì muốn thành tựu pháp ấy nên nói là phiền não, chớ không trái với thế gian, vì có khả năng dẫn dắt đến vô lậu. Do vậy, nên nói là Tịnh.

Có vị: Tương ứng ái: Nghĩa là nếu tam muội tương ứng với ái, thì đó là tương ứng với vị. Cũng có tương ứng với phiền não khác như kiến chấp, nghi ngờ, tăng thượng mạn trong thiền v.v... Người tu định với lực trói vào duyên, là tương ứng với ái của Thiền chứ không phải phiền não khác cùng tương ứng, không phải phiền não khác có khả năng duyên ràng buộc tâm như vậy, giống như ái bị tam-muội duyên vào ràng buộc.

Hữu đánh không có vô lậu: Là Hữu đánh có tương ứng vị tịnh, không phải vô lậu, vì không nhanh nhẹn, nhạy bén. Thánh đạo mới lan lợi, nhạy bén.

Hỏi: Thiền này có những tánh gì?

Đáp:

*Năm chi có giác, quán
Cũng lại có ba thọ
Các thứ bốn tâm kia
Đây gọi là Sơ thiền.*

Năm chi: Vì dứt trừ năm chi, nên gọi là năm chi.

Hỏi: Dứt trừ chi còn có thiền chăng?

Đáp: Không đúng. Vì mỗi chi kia là thiền, mỗi thiền đều làm chi lẫn nhau, nghĩa phải phân biệt: Nghĩa chia ra là nghĩa chi, như chi xe, như chi vua.

Hỏi: Chi là gì?

Đáp: Giác, quán, hỷ, lạc và nhất tâm. Giác là nghĩa chánh thọ, bắt đầu phân biệt, tâm thô lan lợi hẳn lên. Quán là tâm thô thuận theo pháp tiếp nối nhau, nói là tâm tế; là nghĩa tâm nhỏ nhiệm vi tế. Hỷ là tâm vui vẻ trong định. Lạc là niềm vui của thân, tâm, do lìa bỏ sự thô nặng, dựa vào hơi thở là phương tiện điều hòa của tâm. Nhất tâm là buộc tâm vào một duyên, có giác có quán.

Hỏi: Trước đây nói năm chi, vì sao nay lại nói có giác, có quán?

Đáp: Trước nói chi là thiện. Đây nói có giác, có quán, là cấu uế.

Ba thọ: Trong Sơ thiền có ba thọ, đó là Lạc căn của ba thức thân, Hỷ căn của Ý địa, và Xả căn của bốn thức thân.

Các thứ kia, nghĩa là các thứ thân của Phạm thế, là thân trên, dưới của Phạm thế. Do năng lực của giác quán, nên sinh. Bốn tâm, nghĩa là Sơ thiền có bốn tâm: Mắt, tai, thân và ý thức. Đó gọi là Sơ thiền, nghĩa là các pháp này là nói về Sơ thiền, đều sinh chánh thọ, thuộc về thiền này.

*Thứ hai có bốn chi
Các thứ và hai thọ
Thứ ba có năm chi
Thiền này nói hai thọ.*

Thứ hai có bốn chi: Nói tịnh nghĩa là tin tưởng. Là bỏ ham muốn của Sơ thiền, vì quyết định lỗi lầm của cõi, địa nên chánh tín. Hỷ, lạc và nhất tâm, chúng không chung với các thứ thân. Vì sao? Vì không có giác quán, nên thành tựu các thứ tâm. Có lúc Hỷ căn hiện ở trước, đôi khi Xả căn hiện ở trước. Hỷ căn là căn bản còn Xả căn ở vị lai.

Hai thọ là Hỷ căn, Xả căn nhất định thuộc về lĩnh vực của ý.

Những việc như vậy là nói Nhị thiền.

Thứ ba có năm chi, thiền này nói có hai thọ, nghĩa là Tam thiền có năm chi: Xả, niệm, an, tuệ, lạc, nhất tâm. Vì mê đắm vui (lạc) nên không mong cầu gì nữa; gọi đó là Xả hộ. Lấy hoan hỷ làm thức ăn, nên gọi là Niệm. Sự hoan hỷ của Nhị thiền lôi kéo địa mình phạm lỗi. Tuệ là tất cả pháp đối trị với lạc dục thù thắng ở thế gian và chánh trí. Lạc là lạc căn của ý địa. Nhất tâm gọi là định. Hai thọ là Lạc căn, Xả căn. Trong đó Lạc căn, Xả căn của hai thọ, những pháp đó là nói thiền thứ ba.

*Lìa hơi thở ra vào
Thứ tư có bốn chi
Chi được gọi là thiện
Tùy việc như trước nói.*

Lìa hơi thở ra vào, thứ tư có bốn chi, nghĩa là Tứ thiền không có hơi thở ra vào, chỉ do năng lực của tam-muội, vì thân của họ không có lỗ chân lông. Bốn chi là thọ không khổ, không vui, Xả niệm, Thanh tịnh, Nhất tâm.

Hỏi: Ba thứ như vị tương ứng v.v... Thiền đều thành tựu chăng?

Đáp: Chi, có nghĩa là thiện, Thiền thiện tương ứng với chi, nên biết không phải cấu uế.

Hỏi: Trong sự cấu uế không có chi. Vì sao?

Đáp: Trong Sơ thiền không có ly sinh hỷ, lạc.

Hỏi: Trong cấu uế cũng có hỷ, vì sao nói không có chi tương

ứng?

Đáp: Vì dựa vào lạc, Sơ thiền kia đã lìa bỏ sinh, tương ứng với hỷ, nên nói là ly sinh hỷ lạc. Đây một hương thiện, cho nên không có cấu uế. Ngoài ra thì có hỷ; đối với sự có hỷ này, không phải chi mà là cấu uế.

Nhị thiền không có nội tịnh thì phiền não vẫn đục, loạn động, dựa vào lạc là trước tiên phải xả phiền não. Cho nên trong Tam thiền, không có suy niệm, an tuệ. Và vì lạc tối thắng làm mê hoặc tâm nên không có suy niệm. Dù có suy niệm, thì cũng thất niệm, cho nên không phải chi, không yên ổn. Vì không yên ổn nên không phải chi. Xả cũng không có. Vì hoàn toàn thiện nên trong Tứ thiền là trừ bỏ. Vì sao? Vì có hai thứ bình đẳng. Thiền thứ tư không có xả, niệm thanh tịnh thì không phải thiện; không có xả, phiền não nhiễm ô thì niệm không thanh tịnh. Vì thế không phải chi. Hoặc là thất niệm nên cũng không phải là chi.

Tùy việc như trước đã nói: Nếu việc là thiện, thì như đã nói trong Thiền. Nếu cấu uế trong Thiền không loại trừ ra, thì cũng phải nói cấu uế trong Thiền. Như Giác, quán, nhất tâm trong Sơ thiền kia, vì người khác muốn lập Hỷ, cho nên là cấu uế. Vì vậy Sơ thiền có bốn chi.

Với hỷ, nhất tâm của Nhị thiền, vì người khác muốn lập tín, cho nên Nhị thiền có ba chi. Với hỷ nhất tâm của Tam thiền, vì người khác muốn lập niệm tuệ, nên Tam thiền có bốn chi. Sự không khổ, không vui, nhất tâm của Tứ thiền, cũng có người muốn thành lập sự suy niệm, nên Tứ thiền có ba chi. Vì gồm nhiếp tất cả, nên nói chi là thiện.

Hỏi: Đã nói Sơ thiền có giác, có quán, thiền vị lai, thiền trung gian thuộc về Sơ thiền, trong chúng có giác, quán là như thế nào?

Đáp:

Tương ứng có giác, quán

Trí nói Vị lai thiền

Quán tương ứng: Trung gian

Do Bạc Minh trí nói.

Tương ứng với có giác, có quán, Bạc Trí nói là Vị lai thiền, nghĩa là thiền vị lai nương vào có giác, quán. Quán tương ứng Trung gian thiền, do Bạc Minh trí đã nói, nghĩa là Trung gian thiền có quán, không có giác. Vì sao? Vì địa dừng nghỉ. Theo thứ lớp phương tiện, sự nối tiếp của con người được dừng nghỉ (nghỉ ngơi).

Hỏi: Tự tánh của vị lai, trung gian thiền là gì?

Đáp:

Vị lai: hai tự tánh

*Hoặc lia vị tương ứng
Trung gian thiên: ba tánh
Hai đều có một thọ.*

Vị lai thiên: hai tánh, hoặc lia vị tương ứng: là hai tánh: vô lậu, tịnh thuộc vị lai thiên, không có tánh vị tương ứng. Có yêu thích (ái) chánh thọ (định) mới có tánh tương ứng với vị (vị thiên). Vì không sai mê trong cái đạo chán lia dục, thế nên không có tánh tương ứng với vị Thiên; vẫn còn yêu thích thọ sinh, không trừ bỏ. Vì sao? Vì sự trói buộc liên tiếp của cõi, nên vị lai thiên cũng theo đó mà bị trói buộc.

Trung gian thiên: ba tánh là Tịnh, Vô lậu và Vị tương ứng.

Hai đều có một thọ, tức vị lai Trung gian thiên đều có một thọ là Xả căn.

Hỏi: Vì sao Vị lai thiên không có hỷ?

Đáp: Vì có lo sợ, vì gần cõi Dục, vì hành giả kia còn lo sợ nên trong Vị lai thiên không phát sinh hỷ. Vì việc làm chưa rốt ráo nên sự phát động lia bỏ cõi Dục chưa được xong. Vì thế, việc làm chưa rốt ráo người này không thể sinh hỷ. Vả lại, vì có sự dừng nghỉ trong chốc lát, Trung gian thiên cũng đình chỉ trong giây lát, nên trong thiên đó cũng không có hỷ.

Đã nói các địa, nay sẽ nói về công đức trong các địa đó.

*Tam muội thông - Vô lượng
Tất cả nhập xứ, tu
Trừ nhập và các trí
Giải thoát, khởi trong đó.*

Tam-muội: Là ba tam-muội: Không, Vô nguyện, Vô tướng. “Không” có hai thứ: hữu lậu và vô lậu. Hữu lậu: Nghĩa là tư duy pháp hữu lậu, vô lậu là không, vô ngã. Vô lậu là tư duy pháp hữu lậu là không, vô ngã.

Tam muội Vô nguyện cũng có hai thứ, Hữu lậu và vô lậu tam muội. Hữu lậu là tư duy về các hành của đạo, nhân vô thường, khổ, của pháp hữu vi. Tam muội vô lậu là tư duy về các hành của đạo, nhân vô thường, khổ của pháp hữu lậu.

Tam muội vô tướng là sự tư duy về các hành như diệt, v.v... Nếu tam muội hữu lậu, vô lậu, thì trong đấy, hoàn toàn chọn lấy vô lậu, cần nên biết.

Thông là sáu thông, như phẩm Trí đã nói.

Vô lượng là bốn vô lượng: Từ, bi, hỷ, xả. Là duyên với vô lượng chúng sinh này, nên gọi là vô lượng.

Từ, nghĩa là muốn cho tất cả chúng sinh đều được vui, tâm tưởng như vậy, nên là đối trị với sân khuể. Chính là tánh của thiện căn vô sân nên gọi là Từ.

Chúng sinh khổ, làm thế nào để cứu thoát? Tưởng như vậy, sẽ đối trị với hại, chính là tánh của thiện căn Vô sân nên gọi là Bi.

Làm sao tùy hỷ với chúng sinh? Tưởng như vậy, chuyển là đối trị tánh ganh ghét. Vì là hỷ căn nên gọi là Hỷ.

Xả, là tưởng xả chúng sinh. Tâm như vậy chuyển chính là đối trị với ái dục, sân khuể là tánh của thiện “Căn Vô si”, gọi là xả. Tất cả đều là bạn chung, phương tiện chung.

Tánh của bốn ấm trong cõi Dục, tánh của năm ấm trong cõi Sắc, tu tất cả nhập, nghĩa là mười nhất thiết nhập, như trong Tu-đa-la nói Tánh của tám căn thiện không tham trong đó, đối trị với tham. Và tánh năm ấm của bạn và phương tiện, đối với tánh bốn ấm trên, tiếp nối nhau, không đứt quãng, không có thiếu kém. Để cho ý hiểu biết được rộng, nên nói tất cả nhập xứ. Trừ nhập là tám trừ nhập, như trong kinh nói: Vì tất cả không tham kia, đối trị với tham và bạn, phương tiện. Cõi Dục là bốn ấm, cõi Sắc là năm ấm, vì năng đoạt duyên, nên gọi là trừ nhập, rất tăng thượng, rất sáng suốt, rất hơn hết, duyên với căn thiện này, nên mau được trừ nhập. Như kẻ tội tử, dù có trang điểm đi nữa, vẫn bị chủ khi dễ. Hoặc nói, không phải tất cả bậc Thánh đều xem thường duyên. Năm ấm kia duyên theo phiền não, không thể sinh khởi, nên gọi là trừ nhập.

Trí là mười trí, như phẩm Trí đã nói.

Giải thoát là tám giải thoát, như kinh nói: Ba giải thoát đầu là thiện căn không tham, vì đối trị tham, nên bạn chung, phương tiện chung là tánh của năm ấm. Bốn giải thoát vô sắc, tánh thuộc bốn ấm. Diệt tận định thuộc tánh ấm bất tương ưng hành.

Hỏi: Giải thoát có nghĩa gì?

Đáp: Đoạn dứt tâm sau cùng, không còn hiện tiền, gọi là giải thoát. Ba giải thoát đầu là bỏ tham sắc để lại sau lưng (tham bối xả), là Tịnh - Bất tịnh bối xả. Đối với bốn loại ở cõi trên (Vô sắc) tất cả hành chuyển bỏ lại sau lưng; tưởng, thọ diệt, tất cả duyên chuyển thành bỏ lại sau lưng và đoạn dứt cuối cùng (Diệt tận định). Ở trong đó phát khởi, là công đức giải thoát thuộc về Tam muội được sinh khởi ở trong Thiên.

Đã nói công đức thuộc phần giải thoát, nay sẽ nói tùy theo mỗi địa mà có công đức nào.

Năm thông trong bốn thiên

*Và thấy Tha tâm trí
Trong sáu, có Pháp trí
Trong năm ba vô lượng.*

Năm thông trong bốn thiền, là năm thông gồm nhiếp chi, thọ, Tam-ma-đề.

Và thấy Tha tâm trí, là Tha tâm trí cũng như vậy. Trong sáu có pháp trí, là sáu địa của pháp trí: bốn thiền căn bản, trung gian và vị lai.

Trong năm có ba vô lượng: Nghĩa là trừ hỷ vô lượng trong năm địa: Bốn thiền và cõi Dục.

*Trong trừ nhập, nói bốn
Cùng với hỷ vô lượng
Cũng hai thứ giải thoát
Sơ thiền và Nhị thiền.*

Bốn trừ nhập đầu và hỷ vô lượng, giải thoát Sơ thiền và Nhị thiền. Vì đối trị sắc tham của cõi Dục thuộc Sơ thiền, Nhị thiền. Trong Sơ thiền, lập hai giải thoát, bốn trừ nhập, vì đối trị sắc tham của địa Sơ thiền.

Nhị thiền lập hai giải thoát, bốn trừ nhập. thiền không có sắc tham Nhị. Vì sao? Vì nhãn thức thân không có.

Tam thiền không lập giải thoát, cho nên trong thiền này cũng không lập trừ nhập và tất cả xứ. Muốn nhập vào giải thoát thì nhập trừ nhập, muốn nhập trừ nhập thì nhập tất cả xứ. Thiền thứ ba bị lạc (vui thích) mê hoặc, nên họ không thể phát sinh căn thiện như vậy. Hỷ căn cũng như thế. Cho nên, công đức này chỉ ở trong Sơ thiền, Nhị thiền chứ không phải ở thiền khác.

*Còn có bốn trừ nhập
Cùng với một giải thoát
Cũng nhập tất cả nhập
Phật nói thiền sau cùng.*

Tịnh giải thoát, bốn trừ nhập sau và tám nhất thiết xứ, là ở Tứ thiền, không phải thiền khác.

*Thoát khác, tự gọi thuyết,
Hai nhất thiết cũng vậy
Diệt tận, ở sau cùng
Còn chín địa vô cấu.*

Sự giải thoát khác, tự gọi thuyết: Nghĩa là giải thoát vô biên hư không xứ, cho đến giải thoát Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hai, nhất thiết cũng vậy: Hai nhất thiết còn lại là theo tên gọi mà nói, Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ.

Diệt tận ở sau cùng, quyết định thuộc Hữu đẳng. Thuận theo đoạn ở phía sau cùng. Tức, thứ lớp từ địa dưới, đoạn tâm, tâm số pháp, cho đến địa Phi tướng phi phi tướng, rồi bắt đầu dứt thượng thượng, kế là dứt thượng trung, sau dứt hạ hạ. Tất cả dứt rồi, là định Diệt tận. Chín địa vô cấu khác, hoặc công đức Vô lậu khác, đó là ba tam-muội, bảy trí và lậu tận thông. Trong chín địa là trong Tứ thiên ba Vô sắc, vị lai, trung gian. Thế trí, ở Hữu đẳng cũng có. Cho nên nói là khắp tất cả địa.

*Ba giải thoát, phải biết Hữu lậu và vô
lậu Định, Trí thông đã nói Ngoài ra đều
hữu lậu.*

Ba giải thoát, phải biết là hữu lậu và vô lậu: Nghĩa là Vô biên hư không xứ, Vô biên thức xứ, Bất dụng xứ giải thoát, phải biết là hữu lậu, vô lậu, Định Trí Thông đã nói, nghĩa là phẩm Định Tu-đa-la sẽ nói rộng về Định, vô lậu, Thần thông, Trí thì đã nói trong phẩm Trí.

Ngoài ra, đều là hữu lậu, nghĩa là vì oai nghi của ba Thông như vậy, vì thộn hận sắc thanh tự tướng, vì duyên với vô lượng chúng sinh, tất cả trừ nhập, ba giải thoát đều, vì tất cả tín giải, niệm xứ kia, vì Phi tướng Phi phi tướng không phải là hành lan lợi, nhậy bén. Vì tướng, thọ diệt không có tuệ, nên đều là hữu lậu.

